

BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP SÁU NĂM HỌC 2025-2026 (dự kiến)
(kèm theo Quyết định số 5529 /QĐ-UBND, ngày 23 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Thủ Đức)

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số học sinh	Số lớp	SS HS /lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trần Quốc Toàn 1	Có kế hoạch tuyển sinh riêng		315	9	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
2	Hoa Lư	Có kế hoạch tuyển sinh riêng		245	7	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
3	Bình Thọ	Có kế hoạch tuyển sinh riêng		280	8	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
4	An Phú	An Phú	Từ kp1 đến kp 18	579	12	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thảo Điền	Từ kp9 đến kp 15				
5	Bình An	Thủ Thiêm	Trên địa bàn phường	564	12	47	
		An Lợi Đông	Trên địa bàn phường				
		An Khánh	Trên địa bàn phường An Khánh				
		Thảo Điền	Từ kp 1 đến kp 8				
6	Cát Lái	Cát Lái	Từ kp 6 đến kp 11	211	5	42	
		Thanh Mỹ Lợi	Khu phố 13 và 14				
7	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Khu phố 1,2,3,6,7 và từ kp 9 đến kp 15	377	9	42	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
8	Lương Định Của	An Phú	Từ kp 20 đến kp 26	375	9	42	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thanh Mỹ Lợi	Khu phố 1,2,4 và 5				
		Bình Trưng Tây	Khu phố 16,17				
9	Nguyễn Thị Định	Thanh Mỹ Lợi	Khu phố 3 và từ kp 6 đến kp 12	335	8	42	
		Bình Trưng Đông	Khu phố 15				
		Bình Trưng Tây	Khu phố 8				
10	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Từ kp1 đến kp 9 và kp 13,14	519	12	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		An Phú	Khu phố 19				
11	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Từ kp 1 đến kp 5	343	8	43	
		Bình Trưng Đông	Khu phố 10,11 và 12				
		Bình Trưng Tây	Khu phố 4 và 5				
12	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Cả phường Hiệp Phú	750	16	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 1,2,3 và 4; khu phố 8				
		Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 1 và 2; Khu phố 11, 12, 13 và 14				
13	Hưng Bình	Long Thạnh Mỹ	Khu phố 3 đến khu phố 26	536	12	45	

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số học sinh	Số lớp	SS HS /lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8
14	Long Phước	Long Phước	Cả phường Long Phước	189	4	45	
15	Long Bình	Long Bình	Cả phường Long Bình	551	12	45	
16	Long Trường	Long Trường	Khu phố 5 đến khu phố 18; khu phố Tam Đa	353	8	45	
		Trường Thạnh	Khu phố 9 và 10				
17	Phú Hữu	Phú Hữu	Cả phường Phú Hữu	407	9	45	
18	Đặng Tấn Tài	Phước Long A	Cả phường Phước Long A	686	15	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Phước Long B	Từ Khu phố 1 đến khu phố 9; khu phố 17 đến khu phố 25				
19	Phước Bình	Phước Bình	Cả phường Phước Bình	788	16	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Phước Long B	Khu phố 26 đến khu phố 37				
20	Trần Quốc Toàn	Tăng Nhơn Phú A	Khu phố 5, 6, 7 và khu phố 9 đến khu phố 26	650	14	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
21	Tăng Nhơn Phú B	Tăng Nhơn Phú B	Khu phố 3 đến khu phố 10 và khu phố 15 đến khu phố 22	542	12	45	
		Phước Long B	Từ khu phố 10 đến khu phố 16				
22	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Từ khu phố 1 đến khu phố 8; khu phố 11, 12 và 13	412	9	45	
		Long Trường	Khu phố 1, 2, 3 và 4				
23	Tân Phú	Tân Phú	Cả phường Tân Phú	571	13	45	
		Long Thạnh Mỹ	Khu phố 1, 2.				
24	Bình Chiểu	Bình Chiểu	Từ khu phố 1 đến khu phố 22	571	13	44	
25	Dương Văn Thi	Bình Chiểu	Từ khu phố 23 đến khu phố 38	447	10	45	
26	Tam Bình	Tam Bình	Từ khu phố 4 đến khu phố 15	652	14	47	
27	Thái Văn Lung	Tam Phú	Ở phường Tam Phú	722	16	45	
		Tam Bình	Từ khu phố 1 đến khu phố 3				
28	Lê Văn Việt	Bình Thọ	Khu phố 1, 5, 6, 7.	154	3	51	
29	Linh Trung	Linh Trung	Từ khu phố 1 đến khu phố 5; từ khu phố 13 đến khu phố 23.	567	13	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
30	Lê Quý Đôn	Linh Chiểu	Ở phường Linh Chiểu	921	20	46	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Bình Thọ	Khu phố 2, 3.				
		Linh Trung	Từ khu phố 6 đến khu phố 12				
31	Xuân Trường	Linh Xuân	Từ khu phố 7 đến khu phố 19	342	8	43	
32	Nguyễn Văn Bá	Linh Xuân	Từ khu phố 1 đến khu phố 6; từ khu phố 20 đến khu phố 27	539	12	45	
33	Trương Văn Ngự	Linh Tây	Ở phường Linh Tây	286	6	48	
		Bình Thọ	Khu phố 8				
34	Linh Đông	Linh Đông	Ở phường Linh Đông	543	12	45	
		Hiệp Bình Chánh	Khu phố 18, 27, 28				

TT	Trường Trung học cơ sở	Địa bàn tuyển sinh					Ghi chú
		Phường	Khu phố	Số học sinh	Số lớp	SS HS /lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8
35	Ngô Chí Quốc	Hiệp Bình Chánh	Ở phường Hiệp Bình Chánh (trừ khu phố 18, 27, 28)	1010	22	46	
36	Hiệp Bình	Hiệp Bình Phước	Ở phường Hiệp Bình Phước	775	17	46	
37	Trường Thọ	Trường Thọ	Ở phường Trường Thọ	740	16	46	
		Bình Thọ	Khu phố 4				
Tổng Cộng:				18007	421	43	